

ID VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	Chuyen 1 TD3-TD5
2		TD5+BK10+P1	7:25	21+1	0+0		16+6+1	0+0	NGUOI NHA P1 XNKT MAT
3		BK15+TD3	9:25	17+5	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - TD5	CREW: Hạnh - VLin - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

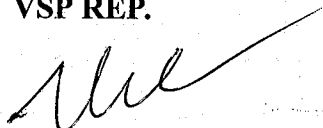
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOROKA ANATOLY	TD3	20	1	9		110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	21	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG AN	TD3	24	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
5	NG. VĂN ANH*MC-PVD	TD3	16	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT THÀNH LUÂN-PVDT	TD3	17	1	5	100	50	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	12-13	2	8		63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG MINH	TD3	19	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	14	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUU NHAN	TD3	18	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN TUẤN*TT	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH QUỲ	TD3	22	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	ALEKHIN A.G	TD5	61	1	8		100	KHOAN	Russian
15	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	64	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
16	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5					71	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	62	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
18	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	68	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	66	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	63	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH THO	TD5	65	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
22	TÔ THANH HÙNG	TD5	67	1	8		53	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	13	65	920	100	11		
2	TD5	9	8	48	657	0	11		
TOTAL		22	21	113	1.577	100	22		
WEIGHT KG				113	1.577	100			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

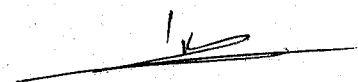
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD5 - BK10 - P1	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - TSON	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	60,26	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN CAO DANH	TD5	28	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	58	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	59	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
5	NG. VĂN DÙNG-PVDT	TD5	49	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
6	LUONG TÂN HAI*MC-PVD	TD5	50-51	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO QUANG MINH*TT	TD5	03	1	7	70	67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TÍNH	TD5	11,13	2	18		60	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HOANG VU	TD5	12,14	2	13		78	D-HANH	Vietnamese
10	DANG XUAN THUY	TD5	53	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	55-56	2	13		60	NIPI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨ	TD5	47-48	2	13		70	YTE	Vietnamese
13	HỒ VĂN ANH	TD5					70	PSV	Vietnamese
14	NGÔ VĂN THANH	TD5	05-06	2	10		70	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	52	1	4		72	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	54	1	3		63	PSV	Vietnamese
17	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	01	1	5		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	57	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	27	1	5		83	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	04	1	6		62	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	02	1	6		63	PSV	Vietnamese
22	PHẠM THẾ CÔNG	BK10	23	1	7	35	58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	27	160	1.450	70	16		(ngồi ghế phụ)
2	BK10	1	1	7	58	35	6		
3	P1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	167	1.508	105	23		
WEIGHT KG				167	1.508	105			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	TO: BK15 - TD3	CREW: Hạnh - VLinH - Huy	ETA: 11:10
TIM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐẾ	BK15	32	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN THÀNH	BK15	24	1	5	197	57	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HOA	BK15	13	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG ĐÌNH VINH	BK15	21-22	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG ANH THÂN	BK15	20	1	6		75	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TRỌNG HÙNG	BK15	27	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐIỀU VĂN THÔNG	BK15	26	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK15	30	1	5		90	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN NHÂN	BK15	47	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN LAM	BK15	33	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI CÔNG ĐỊNH	BK15	31	1	5		105	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN Y	BK15	28	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ LÊ SƠN	BK15	25	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ BA QUYÊN	BK15	49	1	8		56	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI KHẮC THUY	BK15	29	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC NAM	BK15	23	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	BK15					65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	31	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	33	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	30	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN KHUU	TD3	32	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH ĐỨC TÍNH	TD3	34-35	2	15		60	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	17	17	113	1.227	197	14		
2	TD3	5	6	49	338	0	8		
TOTAL		22	23	162	1.565	197	22		
WEIGHT KG				162	1.565	197			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng
1		RP3+BK8+P2	7:25	6+5+11	0+0+0		0+7+15	0+0+0
2		BK6+P1+P5	7:25	8+12+2	0+0+0		5+13+4	0+0+0
3		P2+RC3+P2	7:25	20+2+0	0+0+0		0+2+20	0+0+0
4		C10+BK5+PPD	9:25	4+4+10	0+0+0		4+4+14	0+0+0
5		TD1+P4+P6	9:25	5+7+1	0+0+0		0+7+15	0+0+0
6		P1+BK6+RP3	11:25	20+0+0	0+0+0		15+2+4	0+0+0
								chuyen 7 P2-RC3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày BK6-2 ng, RP3-4ng, P1-3ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2020	TO: RP3 - BK8 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - N.Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

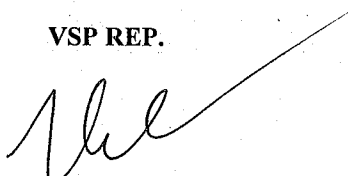
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH	RP3				20	75	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG DIỄN	RP3	68	1	2		60	KHI	Vietnamese
3	TRỊNH QUỐC PHONG	RP3	66	1	2		55	KHI	Vietnamese
4	HUYNH VĂN HOANG	RP3					70	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN YẾN	RP3	65	1	4		58	KHI	Vietnamese
6	VÕ ĐON LONG	RP3	64	1	9		66	KHI	Vietnamese
7	PODYMОВ D	BK8	54	1	5	45	145	KH-THAC	Russian
8	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	24-25	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TÂN	BK8	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK8	50-52	3	20		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN THỊNH	BK8	55	1	5		62	PSV	Vietnamese
12	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P2	32	1	8	30	62	YTE	Vietnamese
13	VÕ DUY TOÀN	P2	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO HỮU NGUYỄN	P2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	30	1	10		42	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HÙNG	P2	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÀN	P2	100,17	2	7		52	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	45	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ NGHĨA TÀI	P2	31	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

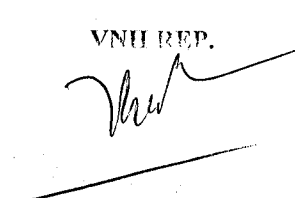
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	4	17	384	20	0		
2	BK8	5	8	47	408	45	7		
3	P2	11	11	60	699	30	15		
TOTAL		22	23	124	1.491	95	22		
WEIGHT KG				124	1.491	95			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

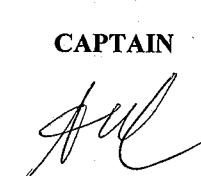
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: MI	TO: BK6 - P1 - P5	CREW: Nam - NPhú - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THƯ	BK6					65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK6					75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN HUY	BK6	72	1	7		70	SINH HUN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THÔNG	BK6	70-71	2	18		65	SINH HUN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	75	1	10	45	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	BK6	74	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRẦN VIỆT	BK6	76-77	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	73	1	5		58	PSV	Vietnamese
9	VU VĂN TOÀN	P1					71	D-HANH	Vietnamese
10	HỒ NGỌC HÙNG	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGỌC QUYẾT	P1	26	1	3		73	NIPI	Vietnamese
12	LE KIEN TRUNG	P1	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HAI VIỆT	P1	32	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC HAI	P1	33	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM CUONG	P1	30	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG ĐÌNH QUÊ	P1	34	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NINH QUỐC HỘI	P1	29	1	17		80	KH-THAC	Vietnamese
20	DUBOV	P1	27-28	2	15		88	KH-THAC	Russian
21	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	P5	42	1	11	20	77	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG TRONG THỨC	P5	12	1	7		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	8	56	545	45	5		
2	P1	12	10	69	892	0	13		
3	P5	2	2	18	147	20	4		
TOTAL		22	20	143	1.584	65	22		
WEIGHT KG				143	1.584	65			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P2 - RC3 - P2.	CREW: MTHANG - ĐỨC - TSON	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÙNG	P2	61	1	8	60	64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	65	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ HUY QUYNH	P2	58	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ VANG	P2	60	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
6	HA VAN NIN	P2	70	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN SON	P2	66	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH HIỀN	P2	67	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN NAM	P2	63	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VĂN MÂY	P2	73	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN THAI	P2	71	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH XANH	P2	56	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	HA CHIEN THANG	P2	59	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUY TRUNG	P2	72	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TAN QUAN	P2	68-69	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	55	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HAI	P2	57	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
18	CAO XUÂN DUNG	P2	62	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LAM	P2	64	1	12		92	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	RC3	65	1	4	60	58	GETR	Vietnamese
21	VŨ VĂN TÍNH	RC3	66-67	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM HUYNH CUONG	RC3	68	1	10	20	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	19	126	1.339	60	0	+	CHUYEN 7 KH TU P2 SANG RC3
2	RC3	3	4	29	203	80	2		
3	P2.	0	0	0	0	0	20		
TOTAL		22	23	155	1.542	140	22		
WEIGHT KG				155	1.542	140			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNIS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2020	TO: CLO - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - N.Nam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN THĂNG	CLO	29-30	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VĂN QUYẾT	CLO	28	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HOÀN	CLO	27	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CLO	26	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TẬP	BK5	78	1	5	55	65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	75-76	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THẾ DƯƠNG	BK5	79	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	77	1	5		50	PSV	Vietnamese
9	PHẠM TÀI	PPD	32-33	2	14	50	72	KHI	Vietnamese
10	TÔ ĐÌNH TỰ	PPD	40	1	5		68	YTE	Vietnamese
11	HỒ DIỄN BẢO	PPD	47-48	2	13		60	PV GAS	Vietnamese
12	LÊ BIÊN THUY	PPD	39	1	5	18	72	PV GAS	Vietnamese
13	VŨ VĂN NGHỊ	PPD	37-38	2	10		70	PV GAS	Vietnamese
14	ĐO DUY LỊCH	PPD	30-31	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	36	1	6		65	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG QUỐC LONG	PPD	34-35	2	8		58	PSV	Vietnamese
17	MAI VĂN TOÀN	PPD	29	1	8		60	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC HÒA	PPD	43	1	6		65	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN DUC	PPD					75	TTIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	5	37	297	0	4		
2	BK5	4	5	31	241	55	4		
3	PPD	11	15	88	736	68	14		
TOTAL		19	25	156	1.274	123	22		
WEIGHT KG				156	1.274	123			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: MI	TO: TD1 - P4 - P6	CREW: Nam - NPhú - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD1	32-33	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	31	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN PHONG	TD1	29	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA CUONG	TD1	30	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG THE ĐỨC	TD1	01	1	11		72	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SANG	P4	01	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ PHÚC HOANG	P4	05-06	2	18		86	XAYLAP	Vietnamese
8	HÒA QUANG THẮNG	P4	07-08	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	02	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ DUY ĐỨC	P4	03	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN HỮU MINH	P4	09-10	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG VŨ	P4	04	1	11		48	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TRUNG TIẾN	P6	24	1	6	30	70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	5	6	57	360	0	0		
2	P4	7	10	87	471	0	7		
3	P6	1	1	6	70	30	15		
TOTAL		13	17	150	901	30	22		
WEIGHT KG				150	901	30			

GRAND TOAL: 1.081 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	TO: P1 - BK6 - RP3	CREW: Vậ - VLin - Toan	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ HỒNG HAI	P1	37	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	48	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN DU	P1	53	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KÝ	P1	43	1	7		65	YTE	Vietnamese
5	TRẦN HOANG NHÂN	P1	55	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ VINH	P1	56	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NĂM CƯỜNG	P1	600,35	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG ANH	P1	50	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	P1	65	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM ANH SƠN	P1	38-39	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUY	P1	44	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	42	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM SỸ HIỆP	P1	45	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	52	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG CƯỜNG	P1	46,40	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P1	49	1	4		69	PSV	Vietnamese
18	HUYNH VĂN AI	P1	54	1	8		55	TRUONG S	Vietnamese
19	LƯU VĂN BÌNH	P1	57	1	10		75	TRUONG S	Vietnamese
20	BUI QUỐC KHOANG	P1	58	1	8	21	78	TRUONG S	Vietnamese
21	TRẦN HUU DUNG	P1	59-60	2	15	10	85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	21	25	158	1.412	31	15		
2	BK6	0	0	0	0	35	2		
3	RP3	0	0	0	0	40+10	5		
TOTAL		21	25	158	1.412	106+10	22		
WEIGHT KG				158	1.412	106+10			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP. 1.686

VNHS REP.

CAPTAIN